

Số: 665 /BCB-BVTE

Hải Phòng, ngày 03 tháng 6 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi : Sở Y tế thành phố Hải Phòng.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **BỆNH VIỆN TRẺ EM**

Số giấy phép hoạt động: Số 01/2016/GPHĐ-BV.

Cơ quan cấp: Sở Y tế Hải Phòng ngày 29 tháng 8 năm 2016.

Địa chỉ: 285 Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng (nay là phố Việt Đức, phường Đồng Hòa, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng)

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Trần Minh Cảnh – Quyền Giám đốc Bệnh viện.

Điện thoại liên hệ: 02253.876.441

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- 1. Đối tượng, thời gian và địa điểm hướng dẫn thực hành:** (Phụ lục 1 đính kèm)
- 2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:** (Phụ lục 2 đính kèm)
- 3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với các cơ sở thực hành khác:** Không
- 4. Số lượng thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:**
(Phụ lục 3 đính kèm).
- 5. Chi phí hướng dẫn thực hành:** (Phụ lục 3 đính kèm).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm bản công bố: Phụ lục 1, 2, 3 và nội dung thực hành./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, CĐT-HTQT



Q. GIÁM ĐỐC

BSCKII. Trần Minh Cảnh

PHỤ LỤC 1
ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố số 665/BCB-BVTE ngày 03/6/2025 của Bệnh viện Trẻ em)

STT	Đối tượng	Chuyên môn phù hợp (tháng)	Tổng thời gian thực hành (tháng)
1.	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	09	09

Ghi chú:

- **Chuyên môn phù hợp:** Thực hành tại các khoa Nội tổng hợp, Tim mạch lồng ngực, Hô hấp, Sơ sinh, Thần kinh tâm bệnh, Tiêu hóa, Truyền nhiễm, Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương.

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH (BÁC SỸ CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành đào tạo	Chức danh chuyên môn	Khoa hướng dẫn	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN
1	Trần Thị Ngọc Hoà	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi/GCN điều trị ung thư ở trẻ em/ Chẩn đoán, điều trị bệnh nội tiết, chuyển hóa, di truyền	Bác sỹ	Nội tổng hợp	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Ung thư	000354/HP-CCHN 387/QĐ-SYT	11/07/2012 23/03/2018
2	Nguyễn Ngọc Sáng	GS.TS	PGS.TS/BS CKII Nhi	Bác sỹ	Nội tổng hợp	KB, CB CK Nhi	0022764/BYT-CCHN	19/8/2014
3	Đỗ Thị Quỳnh Mai	Bác sỹ	Tiến sỹ chuyên khoa Nhi	Bác sỹ	Nội tổng hợp	KB, CB CK Nhi	000093/HP-CCHN	25/1/2018
4	Hoàng Thị Vân	Bác sỹ	Bác sĩ CKI Nhi	Bác sỹ	Nội tổng hợp	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Ung thư	008266/HP-CCHN 386/QĐ-SYT	26/11/2015 23/03/2018
5	Nguyễn Thị Phương Anh	Bác sỹ	Bác sỹ	Bác sỹ	Nội tổng hợp	KB, CB CK Nhi	012308/HP-CCHN	25/6/2021
6	Dương Văn Đoàn	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi/ GCN Hồi sức sau mổ tim	Bác sỹ	Tim mạch lồng ngực	KB, CB CK Nhi	001048/HP-CCHN	5/11/2012
7	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Bác sỹ	Tiến sỹ y khoa	Bác sỹ	Tim mạch lồng ngực	KB, CB CK Nhi	000041/HP-CCHN	25/1/2018
8	Đỗ Thị Ngọc Mai	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi	Bác sỹ	Tim mạch lồng ngực	KB, CB CK Nhi	010968/HP-CCHN	09/05/2019
9	Nguyễn Thị Thùy	Bác sỹ	Bác sỹ nội trú	Bác sỹ	Tim mạch lồng ngực	KB, CB CK Nhi	012300/HP-CCHN	25/06/2021
10	Hoàng Sơn	Bác sỹ	BS CKII Nhi	Bác sỹ	Bệnh nhiệt đới	KB, CB CK Nhi	000334/HP-CCHN	11/7/2012
11	Nguyễn Thị Phương	Bác sỹ	Bác sĩ CKI Nhi	Bác sỹ	Bệnh nhiệt đới	KB, CB CK Nhi	008535/HP-CCHN	28/12/2015
12	Nguyễn Thị Ánh Hương	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi	Bác sỹ	Bệnh nhiệt đới	KB, CB CK Nhi	000062/HP-CCHN	25/1/2018
13	Hoàng Ngọc Anh	Bác sỹ	Ths.BSCKII Nhi khoa	Bác sỹ	Hô hấp	KB, CB CK Nhi	000234/HP-CCHN	25/1/2018
14	Nguyễn Văn Thanh	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi	Bác sỹ	Hô hấp	KB, CB CK Nhi	008267/HP-CCHN	26/11/2015
15	Ngô Thanh Huynh	Bác sỹ	BS CKII Nhi khoa	Bác sỹ	Hô hấp	KB, CB CK Nhi	000840/HP-CCHN	5/10/2012
16	Nguyễn Khánh Ly	Bác sỹ	BS đa khoa/định hướng CK Nhi	Bác sỹ	Hô hấp	KB, CB CK Nhi	012303/HP-CCHN	25/06/2021
17	Nguyễn Bích Vân	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi/GCN điện não đồ lâm sàng/GCN CK thần kinh	Bác sỹ	Thần kinh tâm bệnh	KB, CB CK Nhi	00774/HP-CCHN	17/9/2012

STT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chuyên ngành đào tạo	Chức danh chuyên môn	Khoa hướng dẫn	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Số chứng chỉ hành nghề KCB	Ngày cấp CCHN
18	Đào Thị Hằng	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi/ CKDH Phục hồi chức năng	Bác sỹ	Thần kinh tâm bệnh	KB, CB CK Nhi KB, CB CK CKDH Phục hồi chức năng	002627/HP-CCHN 774/QĐ-SYT	07/11/2013 18/07/2017
19	Phương Đức Huy	Bác sỹ	BS CKI Thần kinh	Bác sỹ	Thần kinh tâm bệnh	KB, CB CK Nhi KB, CB CK thần kinh	010460/HP-CCHN	12/06/2018
20	Nguyễn Thị Vinh	Bác sỹ	Bác sỹ, CKDH Nhi	Bác sỹ	Thần kinh tâm bệnh	KB, CB CK Nhi	012302/HP-CCHN	25/06/2021
21	Lê Thị Minh Lý	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi	Bác sỹ	Sơ sinh	KB, CB CK Nhi	001512/HP-CCHN	30/1/2013
22	Vũ Thị Huyền	Bác sỹ	Thạc sỹ Nhi khoa	Bác sỹ	Sơ sinh	KB, CB CK Nhi	007244/HP-CCHN	15/9/2015
23	Nguyễn Thị Hương	Bác sỹ	Bác sỹ/ CKDH Nhi	Bác sỹ	Sơ sinh	KB, CB CK Nhi	010457/HP-CCHN	12/06/2018
24	Nguyễn Thị Xuân	Bác sỹ	Bác sỹ/ CKDH Nhi	Bác sỹ	Sơ sinh	KB, CB CK Nhi	010969/HP-CCHN	09/05/2019
25	Lê Quang Quỳnh	Bác sỹ	BS CKII Nhi/ GCN Nội soi tiêu hóa	Bác sỹ	Tiêu hóa	KB, CB CK Nhi	002603/HP-CCHN	25/1/2018
26	Phạm Thị Trang	Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa	Bác sỹ	Tiêu hóa	KB, CB CK Nhi	012309/HP-CCHN	25/06/2021
27	Nguyễn Thị Hương	Bác sỹ	Bác sĩ/ Định hướng CK Nhi	Bác sỹ	Tiêu hóa	KB, CB CK Nhi	012304/HP-CCHN	25/06/2021
28	Phạm Đức Toàn	Bác sỹ	BS, THS Nhi khoa/GCN nội soi tiêu hóa	Bác sỹ	Tiêu hóa	KB, CB CK Nhi	009838/HP-CCHN	-06/07/2017
29	Nguyễn Mạnh Toàn	Bác sỹ	BS CKI Ngoại	Bác sỹ	Ngoại tổng hợp	KB, CB CK Ngoại	003277/HP-CCHN	20/12/2013
30	Nguyễn Minh Hải	Bác sỹ	BS CKI Ngoại	Bác sỹ	Ngoại tổng hợp	KB, CB CK Ngoại	008261/HP-CCHN	26/11/2015
31	Nguyễn Quốc Khánh	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Ngoại	Bác sỹ	Ngoại tổng hợp	KB, CB CK Ngoại Nhi	008568/HP-CCHN	06/01/2016
32	Bùi Quốc Vượng	Bác sỹ	BS, THS ngoại khoa/GCN cấp cứu ngoại tổng hợp	Bác sỹ	Ngoại tổng hợp	KB, CB CK Ngoại	010463/HP-CCHN	12/06/2018
33	Đặng Quốc Hùng	Bác sỹ	BS CKII Ngoại/ Chuyên khoa Bông	Bác sỹ	Ngoại Chấn Thương	KB, CB CK Ngoại Nhi	005055/HP-CCHN	08/04/2014
34	Vương Hữu Trung	Bác sỹ	Bác sỹ CK RHM/ BS CKI Ngoại	Bác sỹ	Ngoại Chấn Thương	Phòng khám CK RHM/ KB, CB CK Ngoại	000148/HP-CCHN	23/04/2012
35	Nguyễn Quang Hiếu	Bác sỹ	BS CKI Ngoại	Bác sỹ	Ngoại Chấn Thương	KB, CB CK Ngoại Nhi	005520/HP-CCHN	05/05/2014
36	Đỗ Văn Cường	Bác sỹ	BS CKI Ngoại	Bác sỹ	Ngoại Chấn Thương	KB, CB CK Ngoại	010464/HP-CCHN	12/06/2018
	Tổng: 36 người							

PHỤ LỤC 3
SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN VÀ KINH PHÍ
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHO CÁC CHỨC DANH
(Kèm theo Bản công bố số 668 /BCB-BVTE ngày 13 tháng 6 năm 2025
của Bệnh viện Trẻ em)

Stt	Đối tượng thực hành	Số lượng tiếp nhận có thể hướng dẫn thực hành	Kinh phí hướng dẫn thực hành
1.	Bác sỹ chuyên ngành Nhi khoa	100	2.500.000đ/tháng x 09 tháng = 22.500.000đ
	Tổng: 01		



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM

Bệnh viện Trẻ em
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NHI

(Kèm theo Bản công bố số 665/BCB-BVTE ngày 03.1.6/2025
của Bệnh viện Trẻ em)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện Trẻ em lập chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Học viên sau quá trình thực hành sẽ có khả năng thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu kiến thức:

+ Trình bày được một số nội dung cơ bản các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

+ Trình bày được nội dung cơ bản các quy trình kỹ thuật theo từng chuyên ngành thực hành.

2.2. Mục tiêu thực hành:

- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật cơ bản
- Khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh cơ bản theo từng chuyên ngành thực hành.
- Thực hiện các chỉ tiêu kỹ thuật theo chuyên khoa.

- Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

2.3. Mục tiêu thái độ:



- Thực hiện được giao tiếp, ứng xử cơ bản trong tiếp xúc, chăm sóc người bệnh.
- Có ý thức thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình kỹ thuật bệnh viện.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai:

- Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện Trẻ em.

2. Thời gian thực hành:

- Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 9 tháng tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện Trẻ em và theo sự phân công của Bệnh viện.
- Cách tính thời gian: 9 tháng (tương đương với 1584 giờ tín chỉ; 01 giờ tín chỉ (tiết) = 60 phút) đào tạo trong đó:
 - + Khai giảng, bế giảng: 4 giờ tín chỉ
 - + Số giờ lý thuyết: 152 giờ tín chỉ
 - + Số giờ thực hành: 1368 giờ tín chỉ
 - + Lượng giá lý thuyết đầu vào, đầu ra: 4 giờ tín chỉ
 - + Ôn tập: 40 giờ tín chỉ
 - + Lượng giá thực hành cuối khóa: 16 giờ tín chỉ

3. Đối tượng:

- Bác sĩ Y khoa đã được cấp chứng chỉ hành nghề phạm vi Y khoa hoặc đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024, nếu người đó có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản với thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng được cấp bởi cơ sở đào tạo đảm bảo theo quy định tại khoản 2 điều 128 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT (Phải thực hành đến khi tổng thời gian đào tạo chuyên khoa cơ bản và thời gian thực hành đủ 18 tháng) - tương ứng điều kiện để cấp GPHN điểm b, khoản 2 điều 125 NĐ 96.
- Bác sĩ Y khoa đã được cấp chứng chỉ hành nghề phạm vi Y khoa hoặc đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024, nếu người đó có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản với thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng được cấp bởi cơ sở đào tạo đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 128 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT, đã thực hành chuyên khoa đủ 18 tháng nhưng không nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành, thì phải thực hành lại về chuyên khoa Nhi với thời gian tại Điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT 9 tháng - tương ứng điều kiện để cấp GPHN khoản 6 điều 125 NĐ 96/2023.



- Trường hợp Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Đa khoa sau khi hoàn thành văn bằng chuyên khoa Nhi (CKI, CKII, Nội trú) nhưng không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới, điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa thì phải thực hành lại đủ thời gian theo quy định tại Điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT - tương ứng điều kiện để cấp GPHN khoản 4 điều 125 NĐ 96; khoản 5 điều 125 NĐ 96.

- Trường hợp đã có giấy phép hành nghề hoặc có chứng chỉ hành nghề được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024, tiếp tục học và sau khi hoàn thành học Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên khoa Nhi tại các cơ sở đào tạo nước ngoài, đi thực hành chuyên khoa Nhi đảm bảo quy định tại Điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT - tương ứng điều kiện để cấp GPHN điểm c, khoản 2 điều 125 NĐ 96.

** Nếu người chưa có chứng chỉ hành nghề ngoài thực hành chuyên khoa Nhi 09 tháng thì phải thực hành Hồi sức cấp cứu 03 tháng mới đủ điều kiện đề nghị được cấp Giấy phép hành nghề về chuyên khoa Nhi. Các đối tượng trên phải tự hoàn thiện thực hành hồi sức cấp cứu 03 tháng tại các cơ sở y tế đã được công bố là cơ sở đủ điều kiện hướng dẫn thực hành.*

III. Phương pháp dạy - học:

- Tại chỗ, trực tiếp.

- Áp dụng cả phương pháp thụ động và chủ động (thuyết trình, phim/video, thảo luận nhóm, mô hình, nghiên cứu tình huống, thực hành lâm sàng...)

+ **Lý thuyết:** Học viên tự đọc tài liệu trước, giảng viên giảng bài bằng phương pháp thuyết trình ngắn tích cực hóa, hướng dẫn học viên thảo luận các vấn đề cơ bản theo mục tiêu bài giảng.

+ **Thực hành:**

- Hướng dẫn thực hành trên mô hình tại phòng học trước khi thực hành lâm sàng

- Hướng dẫn thực hành lâm sàng trên bệnh nhân tại khoa lâm sàng

- Thảo luận ca lâm sàng tại khoa.

- Học viên đóng vai trò chủ động trong học tập, trong làm việc nhóm, trong các hoạt động của lớp học và tích cực trao đổi kinh nghiệm về các chủ đề liên quan với giảng viên và với các đồng nghiệp.

IV. Tài liệu và trang thiết bị dạy học:

1. Tài liệu:

- Luật khám chữa bệnh năm 2023



Bệnh viện Trẻ em

- Dựa trên tài liệu có sẵn của Bộ Y tế, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Nhi đồng I, sách giáo khoa (Đại học trong và ngoài nước) và các tài liệu khác đã được phát hành. Tài liệu đơn vị tự biên soạn (đã được Hội đồng Bệnh viện thẩm định chương trình và tài liệu đào tạo liên tục)

2. Trang thiết bị dạy học:

Máy chiếu, mô hình, trang thiết bị tại khoa (máy thở, monitor...)

V. Nội dung hướng dẫn:

STT	Địa điểm thực hành	Nội dung đào tạo	Thực hành (giờ tín chỉ)	Lý thuyết (giờ tín chỉ)	Tổng số giờ tín chỉ	Thời gian (tháng)
1.	Khoa Nội tổng hợp	Chuyên môn Nội thần kinh-Tuần hoàn	176	16	192	1
2.	Khoa Tim mạch lồng ngực	Chuyên môn Nội tim mạch	150	16	166	1
3.	Khoa Hô hấp	Chuyên môn Hô hấp	150	16	166	1
4.	Khoa Sơ sinh	Chuyên môn Sơ sinh	150	16	166	1
5.	Khoa Thần kinh tâm bệnh	Chuyên môn Tâm thần	150	16	166	1
6.	Khoa Tiêu hóa	Chuyên môn Tiêu hóa	150	16	166	1
7.	Khoa Bệnh nhiệt đới	Chuyên môn Truyền nhiễm	150	16	166	1
8.	Khoa Ngoại tổng hợp	Chuyên môn Ngoại nhi	150	16	166	1
9.	Khoa Ngoại chấn thương	Chuyên môn Ngoại nhi	150	16	166	1
	Tổng: 09		1368	152	1520	09

VI. Thực hành lâm sàng:

- Chuyên môn Nhi khoa: 09 tháng

Ghi chú: Ngoài nội dung hướng dẫn tập trung, người thực hành và người hướng dẫn nghiên cứu phạm vi hành nghề quy định theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT để thực hành đảm bảo chuẩn năng lực theo yêu cầu chức danh chuyên môn đăng ký thực hành